

Số: 17 /2015/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 08 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ vận tải đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 173/TTr-STC ngày 20 tháng 5 năm 2015 về việc quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng thực hiện đăng ký giá, kê khai giá và phân cấp thực hiện đăng ký giá, kê khai giá

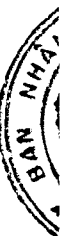
1. Đối tượng thực hiện

Đối tượng thực hiện đăng ký giá, kê khai giá là các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ phải thực hiện đăng ký giá, kê khai giá theo qui định tại Điều 2 của Quyết định này.

2. Phân cấp thực hiện

a) Đối với cấp tỉnh

Các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá, kê khai giá tại cấp tỉnh theo Thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó không bao gồm các tổ chức, cá



nhân có tên trong thông báo danh sách đăng ký giá, kê khai giá tại Bộ Tài chính.

b) Đối với cấp huyện

Đối tượng thực hiện đăng ký giá, kê khai giá tại huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là huyện) là các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có trụ sở chính tại huyện mà chưa có tên trong thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh đăng ký giá, kê khai giá tại tỉnh và của Bộ Tài chính. Ủy ban nhân dân huyện thông báo cụ thể danh sách tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá, kê khai giá tại cấp huyện.

Điều 2. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá, kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định này. Trong thời gian nhà nước có yêu cầu bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thì áp dụng biện pháp đăng ký giá theo quyết định bình ổn giá.

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá gồm 12 nhóm mặt hàng được quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định này. Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc diện kê khai giá thực hiện kê khai giá tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Phân công các cơ quan, đơn vị quản lý việc đăng ký giá, kê khai giá

1. Đối với cấp tỉnh: Thực hiện quản lý đăng ký giá, kê khai giá giao cho Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải và Sở Tài chính, cụ thể:

a) Sở Y tế: Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá đối với các hàng hóa, dịch vụ như sau:

- Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

- Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 6 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký giá và kê khai giá đối với các hàng hóa, dịch vụ như sau:

- Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;

- Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;



- Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản; phân đạm urê và phân NPK.

c) Sở Giao thông vận tải: Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá đối với các hàng hóa, dịch vụ như sau:

- Giá dịch vụ tại cảng biển, giá dịch vụ hàng không tại cảng hàng không sân bay;

- Giá vé máy bay các đường bay nội địa không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

- Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;

- Cước vận tải hành khách, hàng hóa tuyến cố định bằng đường thủy - đường biển.

d) Sở Tài chính: Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá đối với các hàng hóa, dịch vụ còn lại quy định tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này.

2. Đối với cấp huyện: Giao cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo thực hiện quản lý đăng ký giá, kê khai giá đối với Phòng y tế, Phòng Nông nghiệp (hoặc Phòng Kinh tế), Phòng Công Thương (hoặc phòng Quản lý đô thị) và Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính.

3. Nội dung và trình tự thực hiện đăng ký giá, kê khai giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính và văn bản hướng dẫn của các cơ quan chuyên ngành.

4. Các quy định khác về quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá được thực hiện theo quy định của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao trách nhiệm cho Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn thực hiện Quyết định này; đồng thời tổ chức tuyên truyền phổ biến công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tốt.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện đăng ký giá, kê khai giá phải thực hiện đăng ký giá, kê khai giá theo quy định.

3. Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo tình hình thực hiện đăng ký giá, kê khai giá về Sở Tài

chính để tổng hợp báo cáo về Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về lĩnh vực giá.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Tài chính, Tư pháp, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 24/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp quản lý giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 17/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá, kê khai giá và biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

c) Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang phải thực hiện việc đăng ký giá, kê khai giá theo quy định của pháp luật về quản lý giá.

d) Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 13/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá, kê khai giá thực hiện bình ổn giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

đ) Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 21/2/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp quản lý giá dịch vụ cho thuê phòng khách sạn, nhà nghỉ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. *me*

Nơi nhận:

- Cục Kiểm tra VBQPPL – BTP;
- Bộ TC (báo cáo);
- Website Chính phủ;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Kiên Giang;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Như Điều 5 QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu VT, nhsuong.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



me
Lê Văn Thi



Phụ lục 01

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

1. Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: Xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu điêzen, dầu mazut;
2. Điện bán lẻ;
3. Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
4. Phân đạm urê; phân NPK;
5. Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
6. Vacxin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
7. Muối ăn;
8. Sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi;
9. Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;
10. Thóc, gạo tẻ thường;
11. Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.



Phụ lục 02

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 47 /2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

1. Hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3, Nghị định 177/2013/ ND-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;
2. Xi măng, thép xây dựng;
3. Than;
4. Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
5. Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;
6. Giá dịch vụ tại cảng biển, giá dịch vụ hàng không tại cảng hàng không sân bay;
7. Sách giáo khoa;
8. Giá vé máy bay các đường bay nội địa không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;
9. Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;
10. Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;
11. Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 6 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;
12. Cước vận tải hành khách, hàng hóa tuyến cố định bằng đường thủy - đường biển.